

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

ĐÀO DUY HÙNG

**QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN
CÁC TUYẾN ĐÊ TẠI KHU VỰC NỘI ĐÔ LỊCH SỬ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VÀ CÔNG TRÌNH
MÃ SỐ: 9580106**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Hà Nội – 2022

Công trình được hoàn thành tại trường ĐH Kiến Trúc

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS.KTS Nguyễn Tô Lăng**

Phản biện 1: GS. TS. Doãn Minh Khôi

Phản biện 2: TS. Nguyễn Xuân Hình

Phản biện 3: TS. Nguyễn Thị Lan Phương

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận án cấp Trường
học tại trường Đại học Kiến trúc Hà Nội vào

Hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 2023

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện Quốc gia và thư viện trường
Đại học Kiến trúc Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hà Nội thành phố trong các dòng sông, với vị trí tự nhiên đề với dòng sông là nguồn tài nguyên lịch sử của đô thị. Trong giai đoạn hơn ba thập kỷ trở lại đây Hà Nội đã có sự đổi thay mạnh mẽ trở thành đô thị lớn phát triển nhanh và mạnh. NĐLS vẫn giữ được cơ bản cấu trúc đô thị cũ nhưng đã trở nên đậm đặc hơn, mật độ xây dựng lớn, dân số tăng cao. Các tuyến đề đã và đang tồn tại như là một minh chứng lịch sử trong quá trình phát triển đô thị (PTĐT). Chức năng và hình thức của chúng đang trở nên nhạt nhòa hơn nhưng giá trị và hình ảnh đặc trưng của chúng vẫn hiện diện trong hiện tại. Các tuyến đề trong đồ án QHĐT NĐLS chưa được chú trọng, chưa được đánh giá và xác định đúng giá trị trong cấu trúc đô thị. Đồng thời, các tuyến đề này cũng chưa được quản lý (QL) thống nhất về không gian, kiến trúc, cảnh quan (KG,KT,CQ).

NĐLS là một khu vực PTĐT quan trọng, cần phải tổ chức QL KG,KT,CQ để bảo tồn và phát huy giá trị vốn có của các tuyến đề. Giá trị đó không chỉ có chức năng phòng chống lũ (PCL) mà còn là thành lũy khi xưa, đường giao thông của đô thị hiện đại ngày nay, những yếu tố này được thể hiện rõ nét trong cấu trúc NĐLS từ hàng nghìn năm và là yếu tố tạo lập hình ảnh đô thị trong KG,KT,CQ khu vực nội đô. Vì vậy, các tuyến đề cần được nhận diện và nghiên cứu, kiểm soát từ khi tổ chức KG,KT,CQ, lập QHĐT, TKĐT làm cơ sở cho tổ chức thực hiện và QL PTĐT theo quy hoạch nhằm hình thành nên một KG,KT,CQ đặc trưng cho hình ảnh NĐLS. Xuất phát từ những lý do trên, việc nghiên cứu: “Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan các tuyến đề tại khu vực nội đô lịch sử Thành phố Hà Nội” là hết sức cần thiết, có tính thời sự, thực tiễn và giàu ý nghĩa.

2. Mục đích nghiên cứu: Đề xuất các giải pháp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của các tuyến đề trong sự phát triển bền vững và giữ gìn đặc trưng của cấu trúc đô thị khu vực nội đô lịch sử thành phố Hà Nội.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu: Đối tượng: Công tác QL KG,KT,CQ các tuyến đề trong NĐLS Hà Nội; Phạm vi:*. Không gian: NĐLS Hà Nội có ranh giới theo QHC 1259 từ đề Hữu Hồng đến đường vành đai 2 gồm: 4 quận nội thành cũ (Đống Đa, Hoàn Kiếm, Ba Đình, phía Bắc quận Hai Bà Trưng) và 1 phần phía Nam của quận Tây Hồ không bao gồm khu vực bãi sông Hồng (thuộc hành lang sông Hồng);*. Thời gian: đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

4. Phương pháp nghiên cứu

- * Phương pháp tiếp cận thu thập thông tin, điều tra khảo sát
- * Phương pháp nghiên cứu lịch sử
- * Phương pháp phi thực nghiệm
- * Phương pháp chuyên gia
- * Phương pháp xử lý thông tin
- * Phương pháp sơ đồ hóa
- * Phương pháp phân tích hình thái đô thị
- * Phương pháp dự báo, tổng hợp
- * Phương pháp chồng lớp bản đồ

5. Nội dung nghiên cứu: Với phạm vi đề tài luận án, tác giả tập trung nghiên cứu định hướng kiểm soát tổ chức KG,KT,CQ các tuyến đề khu vực NĐLS trong lập QHĐT và thể chế QL PTĐT trong NĐLS.

6. Kết quả nghiên cứu: Nhận diện giá trị đặc trưng và vai trò của các tuyến đề đối với sự hình thành và phát triển của cấu trúc đô thị NĐLS; Đề xuất các giải pháp QL KG,KT,CQ các tuyến đề khu vực NĐLS.

7. Những đóng góp mới của luận án

- Nhận diện KG,KT,CQ các tuyến đề trong quá trình PTĐT và các giá trị của các tuyến đề NĐLS;
- Đề xuất tiêu chí xác định giá trị tiêu biểu của đề; Phân loại các kiểu

dáng đê và Phân vùng QL KG,KT,CQ đặc trưng của các tuyến đê;

- Đề xuất nhóm giải pháp QL KG,KT,CQ các tuyến đê;

8. Ý nghĩa khoa học của đề tài:Nhận diện giá trị đặc trưng của KG,KT,CQ các tuyến đê NĐLS trên cơ sở đó đề xuất giải pháp QL KG, KT, CQ các tuyến đê. Hệ thống hóa cơ sở lý luận về QL KG,KT,CQ các tuyến đê; Đóng góp, bổ sung tài liệu tham khảo trong công tác nghiên cứu và nâng cao hiểu biết, nhận thức của cộng đồng về hình ảnh đặc trưng của tuyến đê trong đô thị.

9. Các khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong luận án:Trên cơ sở các khái niệm được trích dẫn, một số khái niệm sử dụng trong luận án phù hợp với giai đoạn hiện nay như sau:- QL KG, KT, CQ các tuyến đê là một nội dung của QL nghiệp vụ trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc đô thị gồm QL: lập, thẩm định, phê duyệt QHĐT để định hướng kiểm soát KG,KT,CQ và tổ chức thực hiện, quản lý PTĐT theo quy hoạch;- Địa hình đô thị trong NĐLS: là cấu trúc bề mặt lồi, lõm (cao, thấp) trong đó đê như một triển đất tự nhiên có ảnh hưởng tới trường nhìn, ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm.;- Đê trong NĐLS là công trình XD đã và đang ngăn nước lũ của sông Hồng (S.Hồng) và các S.Tô Lịch (sông một phần đã bị lấp, phần còn lại ít chịu ảnh hưởng của lũ S.Hồng), S.Kim Ngưu (sông đã bị bồi lấp) trong lịch sử đê tạo nên hình hài của kinh thành Thăng Long. Ngày nay là các tuyến đường giao thông đô thị tạo nên cấu trúc không gian đô thị NĐLS hiện nay;- Tuyến đê NĐLS là hệ thống công trình XD đặc thù đã chi phối cảnh quan nhân tạo của NĐLS là một bộ phận hữu cơ của đời sống đô thị hiện đại gồm: đê hữu Hồng và các tuyến đê sông cỏ là tường lũy kinh thành. Có tổng chiều dài khoảng 35 km và chiều rộng nghiên cứu bao gồm các thềm địa hình theo sự biến đổi của đê qua từng thời kỳ lịch sử PTĐT NĐLS từ cao độ đê hiện có đến cao độ nền tự nhiên thấp nhất cụ thể của từng

đoạn tuyến đê.

10. Cấu trúc của luận án: Gồm 03 phần: Mở đầu; Nội dung; Kết luận, kiến nghị. Trong đó phần nội dung gồm 03 chương: Chương 1. Tổng quan về QL KG,KT,CQ các tuyến đê NĐLS Hà Nội (41 trang); Chương 2.Cơ sở khoa học về QL KG,KT,CQ các tuyến đê NĐLS Hà Nội (45 trang); Chương 3.Giải pháp QL KG,KT,CQ các tuyến đê NĐLS Hà Nội (54 trang);

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN CÁC TUYẾN ĐÊ TẠI KHU VỰC NỘI ĐÔ LỊCH SỬ, HÀ NỘI

1.1. Quản lý KG,KT,CQ đê tại các thành phố trên thế giới: Mỗi đô thị trên thế giới đều có đặc điểm riêng theo từng vị trí tự nhiên, vì vậy luôn mang trong mình các yếu tố để nhận diện. Vị trí và địa hình tự nhiên là những yếu tố liên quan mật thiết đến không gian đô thị các nước trên thế giới. Với cấu trúc địa chất khác nhau nên địa hình mỗi đô thị có sự khác biệt nên hình thái đê không hiện hữu rõ nét, do đó việc QL KG,KT,CQ đê hoặc ở vùng ven sông cùng với chế độ chính trị của mỗi quốc gia nên có phương pháp QLĐT khác nhau. Luận án giới thiệu tổng quan về QL KG,KT,CQ đê hoặc vùng ven sông ở châu Á và châu Âu với trường hợp điển hình ở Hà Lan, quốc gia được định hình bằng những con đê;

1.2. Đê ở vùng châu thổ sông Hồng và Hà Nội

1.2.1. Địa hình và không gian cảnh quan tự nhiên

***. Lịch sử hình thành địa chất:** Hà Nội và vùng châu thổ nằm ở khu vực có lịch sử địa chất lâu dài rất phức tạp là dạng tích tụ phù sa khổng lồ của sông Hồng (S.Hồng) và S.Thái Bình chủ yếu là sét và cát dày

hàng trăm mét. Lòng S.Hồng có biên độ uốn khúc khá mạnh đạt tới 8 km trước khi bị chinh phục bởi các tuyến đê bao quanh.

***. Cấu trúc đặc trưng của địa hình và cảnh quan tự nhiên:** Hà Nội có cấu trúc theo kiểu vừa sụt lún vừa võng xuống nên được gọi "sụt võng Hà Nội" [44] đã tạo nên những đường nét địa hình lớn có dáng dấp của một vùng thung lũng. Cảnh quan tự nhiên gắn với các con sông có hình thái uốn khúc quanh co do chảy trên lớp phù sa, chia thành 4 vùng cảnh quan tự nhiên: phía Bắc S.Hồng; vùng đô thị trung tâm (theo QHC125) trải rộng ra hành lang S.Nhuệ và khu vực Nam S.Đuống; vùng núi cao Ba Vì và Sóc Sơn; vùng núi đá vôi ở Chương Mỹ-Mỹ Đức; vùng chuyển tiếp giữa đồng bằng ven sông và đồi núi cao dọc theo hành lang đê S.Đáy.

1.2.2. Đê và sự hình thành không gian cư trú của người Việt

***. Sự ra đời của đê và quá trình biến đổi địa hình:** Hà Nội có độ cao chênh lệch khá đột ngột từ điểm bắt đầu của các con sông. Nơi hợp lưu của sông Đà, sông Lô, sông Thao, luôn bị đe dọa bởi những con sông có dòng chảy xiết, đột ngột biến động, có nhiều con lũ từ độ dốc cao với khối lượng nước lớn trút xuống, nhanh chóng tràn ngập châu thổ nếu không có đê bảo vệ, vì vậy "đê đã tạo trong cảnh quan một nét hùng vĩ với dáng vẻ thành lũy kiên cố. Nó là những địa hình nổi lên rõ rệt trên nền đất phù sa "[41: 82]. Đê là đường biên của một không gian cư trú mới.

***. Sông và đê với sự hình thành và PTĐT NĐLS:** Việc đắp đê phía ngăn lũ và thành, lũy ở NĐLS đã gây ra biến dạng các dòng sông,đáy sông ngày càng cao, bãi bồi ngoài đê cao hơn trong đê. Hình thái, cấu trúc của làng vùng châu thổ cũng có nhiều đặc điểm khác biệt với vùng miền khác do tác động bởi yếu tố gốc là hệ thống đê.

1.2.3. Phân loại và nhận diện KG,KT,CQ đê trong quá trình

PTĐT NĐLS

***. Phân loại các tuyến đê trong NĐLS:** Các tuyến đê trong NĐLS được phân loại theo tiêu chí: chức năng của đê, hình thái đường phố tuyến đê cùng cao độ tự nhiên là yếu tố quan trọng để tạo lập không gian. Gồm 03 loại đê cụ thể như sau: **Tuyến đê loại 1:** Đê trực tiếp PCL (đê hữu Hồng) là tuyến đường đê cấp đặc biệt với cao độ 9-15 mét có XD tường kè bê tông cao 1,5 mét bảo vệ cho Thủ đô; **Tuyến đê loại 2:** Đê không còn trực tiếp chống lũ (đê La thành) là tuyến đường đê bao bọc thành Thăng Long từ các dòng sông cổ: Tô lịch, Thiên Phù, Kim Ngưu; **Tuyến đê loại 3:** đã bị san bằng gần như địa hình tự nhiên (đê phố Hàng-ĐH). Đây là dấu vết tuyến đê cổ đã bị biến đổi theo chu kỳ đổi dòng của S.Hồng trong quá trình PTĐT và 1 số đoạn tuyến của đê loại 2: Trần Khát Chân, Đại Cồ Việt; Lạc Long Quân (từ đê Bưởi đến ngã 3 Xuân La); Hoàng Hoa Thám với trục Văn Cao-hồ Tây, đê Bưởi với phố Đào Tấn-Nguyễn Khánh Toàn.

***. Nhận diện KG,KT,CQ các tuyến đê NĐLS: a). Đê-thành lũy Đại La phía Sông Hồng:** KG,KT,CQ của tuyến đê có sự biến đổi sâu sắc, đa dạng. Từ không gian đê ngăn lũ trở thành không gian phố Hàng ven thành, phố Hàng ven sông trong KP Cổ và không gian đường phố của KP Cũ; **b). Đê-thành lũy Đại La phía Nam thành Hà Nội:** là lớp lũy giới hạn phía Nam kinh thành. Phía Bắc đê mang dấu ấn hình thái không gian đô thị trước năm 1945, phía Nam ít phát triển hơn; Sau năm 1986 phía Nam đê lại có sự phát triển hơn hẳn Bắc; **c). Đê-thành lũy Đại La phía Tây thành Hà Nội (đường Bưởi):** phía Tây kinh thành được giới hạn bởi S.Tô Lịch. Sau 1986, các tuyến đường kết nối từ khu vực trung tâm Ba Đình ngày nay đến khu phía Tây được quy hoạch và đầu tư phát triển mạnh mẽ; **d). Đê-thành lũy Đại La phía Bắc thành Hà Nội (đường Hoàng Hoa Thám):** là một đoạn

thành Đại La nay là đường Hoàng Hoa Thám hình thái tuyến đường có những đoạn cong theo đường chảy của S.Tô Lịch cổ; e). **Đường đê-thành lũy sông cổ Thiên Phù (đường Lạc Long Quân):** là cảnh quan của vùng ngoại thành với các làng ven Hồ Tây đến nay không gian cảnh quan đã có nhiều đổi thay với sự chuyển tiếp không gian Hồ Tây với các khu đô thị mới;

***. KG,KT,CQ đê và sự biến đổi chức năng trong quá trình PTĐT NĐLS:**

Bảng 1.4. Sự biến đổi chức năng và KG,KT,CQ dưới tác động của đê

Yếu tố Tự nhiên	Yếu tố Nhân tạo	Chức năng biến đổi- Biến đổi KG,KT,CQ	Sơ đồ	Nhận diện KG,KT,CQ khu vực đê trong NĐLS
Sông Hồng, Tô Lịch, Kim Ngưu	Đê	Thủy lợi - Nông nghiệp		Khu vực làng xóm đô thị hóa ngoài vành đai 1
		Chống lũ lụt - Kinh thành		NĐLS - trong vành đai 1 (đê hữu Hồng - Trần Khát Chân - Đê La Thành - Bưởi - Hoàng Hoa Thám - Lạc Long Quân). Cấu trúc nguyên thủy của đô thị NĐLS
		Thành lũy - Quân sự		
		Đường - làng		Trần Khát Chân - Đê La Thành - Bưởi - Hoàng Hoa Thám - Lạc Long Quân (Kê chợ). Làng xóm cũ
		Đường phố		Khu phố Cổ
		Phố Hàng ven thành		
		Chống lũ lụt - Đô thị		
		Đường - Bến cảng		
		Phố Hàng ven sông		
		Phố khu nhượng địa		Khu phố Cũ

Sự biến đổi chức năng khu vực đê cho thấy sự biến đổi từ cấu trúc làng đảo truyền thống sang cấu trúc làng ven đê. Sự biến đổi cấu trúc đã làm hình thái làng thay đổi: từ kiểu phân chia, tách thửa đất các ô đất ven đê đến hình thái ô đất cũng biến đổi từ cấu trúc nhà vườn truyền thống ven sông-đê đến KG,KT,CQ của phố ven sông. Đây là yếu tố đặc trưng của NĐLS

1.3. Thực trạng KG,KT,CQ các tuyến đê NĐLS

Trong nội dung này luận án nghiên cứu tổng quan thực trạng đối tượng: không gian, kiến trúc, cảnh quan các tuyến đê NĐLS và phân tích thực trạng KG,KT,CQ để thấy được ngoài những điểm mạnh, cơ hội thì điểm yếu và thách thức là những vấn đề còn tồn tại cần được tổng hợp giải quyết.

1.4. Thực trạng QL KG,KT,CQ các tuyến đê NĐLS

1.4.1. Bộ máy QL KG,KT,CQ các tuyến đê

* **Thể chế quản lý đê điều qua các thời kỳ**

Thời kỳ	Đặc điểm	Cơ chế chính sách	Bộ máy quản lý
Phong kiến			
Nhà Lý	Đê Cơ Xá		Nhà nước trực tiếp quản lý
Nhà Trần	Đắp đê ra đến biển		Bộ máy chuyên trách: Hà đê chánh phó sứ
Nhà Lê	Bắt đầu đắp đê sông nhánh: đê S. Tô Lịch.	Hình thành hương ước làng xã về đê điều thủy lợi, khuyến nông	Bổ sung chức quan khuyến nông để phối hợp với tổ chức "Hà đê"
Nhà Mạc	Đắp thêm 3 lần lũy ngoài thành Đại la. từ Nhật Chiêu, qua Tây Hồ, Cầu Dừa, cầu Dền, thâu đến Thành Trì giáp phía Tây Bắc S.Nhị. cao hơn thành Thăng Long vài trượng, rộng 25 trượng, dài mấy mươi dặm.		
Nhà Nguyễn			
Gia Long	Xây đắp 7 đoạn đê. Việc đắp đê hay bỏ đê được đặt ra	Ban hành điều lệ về đê điều	Quan đê chính Bắc Thành trông coi về đê điều Bắc bộ.
Minh Mạng	Đê điều trở thành đê tài lớn với việc giữ đê hay bỏ đê (đa phần xin bỏ đê)		Bãi bỏ Đê chính Bắc thành, đặt ở triều đình: Nha Đê chính (1828); Nha Đê chính bị bãi bỏ, giao quan sở tại đảm nhiệm (1832).
Tự Đức	Phòng hộ đê điều vẫn được quan tâm	Ban hành 05 điều về đê công, đê tư và việc tổ chức phòng hộ, sửa đắp.	lập lại Nha Đê chính Bắc thành đóng tại Hà Nội (1857), Giải thể tổ chức Đê chính (1862)
Pháp thuộc	Tổ chức đắp đê sông, củng cố và đắp thêm đê bảo vệ như đê La Thành	- Quy định mức nước tại Hà Nội ≤13 mét.	-Hội đồng đê điều Bắc kỳ; -Nha Công chính Bắc kỳ có 02 Sở chuyên trách thủy lợi:

		-Loại I cao:4 - 8 mét; Loại II cao: 2,5 - 4 mét	Sở Trị thủy và Sở Thủy nông;
Sau 1954			
1955			Bộ Kiến trúc Thủy Lợi
1958			Bộ Thủy Lợi
1959	Chi thị 164-CT/TW17; kế hoạch trị thủy và khai thác sông Hồng.		
1961			Ủy ban trị thủy & khai thác S.Hồng.
1966-1972	Bộ Chính trị ra nghị quyết số 65/ NQTV về QH trị thủy và khai thác lưu vực S Hồng thời kỳ đầu.		
1989		Pháp lệnh về đề điều.	
1995			Sáp nhập Bộ Thủy Lợi thành Bộ NN&PTNT.
2000		Pháp lệnh về đề điều	
2006		Luật đề điều.	
2007	Quyết định: 92/2007/QĐ-TTg. Quy hoạch PCL hệ thống S.Hồng - S. Thái Bình.		
2013	Hệ thống đề điều Hà Nội : 42 tuyến đề được phân cấp, 41 tuyến đề bao, đề bao, chuyên dụng .		
2016	Quyết định: 257/2016/QĐ-TTg. QH PCL hệ thống S.Hồng - S. Thái Bình.		

*** Bộ máy QL KG,KT,CQ các tuyến đề khu vực NĐLS hiện nay:**

Tại Hà Nội, bộ máy QL đề điều; QL KG,KT,CQ đô thị do: chính quyền quận, huyện quản lý theo ranh giới hành chính và các Sở chuyên ngành quản lý nghiệp vụ. Các tuyến đề nằm xen cài giữa nhiều đơn vị hành chính do ranh giới hành chính thường không trùng với ranh giới QHĐT do đó KG,KT,CQ có nhiều đơn vị hành chính tham gia QL: 04 Ban QLDA và 05 Ban QLDA đầu tư công trình của các quận NĐLS. Hiện, không có Ban QL khu vực PTĐT theo Nghị định 11/2013/NĐ-CP.

1.4.2. Đồ án quy hoạch qua các thời kỳ: Bắc thuộc và phong kiến; QH Hà Nội năm 1943; QH Hà Nội thời kỳ 1956-1960; QH Hà Nội thời kỳ 1960-1975; QH Hà Nội thời kỳ 1981-2000 (QĐ số 100/TTg

ngày 24/4/1981; QH Hà Nội thời kỳ 1992-2010 (QĐ số:132/HĐBT, 18/4/1992); QH Hà Nội thời kỳ 1998-2020 (QĐ số:108/1998/ TTg, ngày 20/6/1998); Qua 06 Đồ án QH Hà Nội qua các thời kỳ (trước QHC1259) nhận thấy: mới chỉ đánh giá đề điều ở nội dung chuẩn bị kỹ thuật, thủy lợi, PCL. Đề trong tổ chức KG,KT,CQ không được định hướng phù hợp với giá trị của đề và đề chỉ là ranh giới PTĐT.

1.4.3. Thực trạng sự tham gia của cộng đồng: Pháp luật chưa quy định rõ quy trình, đối tượng tham gia lấy ý kiến cộng đồng. Cần có sự đổi mới phương pháp lập QH, thể chế trong QL đầu tư PTĐT cùng sự tham gia thực chất của cộng đồng trong QL PTĐT.

1.4.4. Phân tích SWOT thực trạng QL KG,KT,CQ các tuyến đề và xác định chiến lược quản lý: làm cơ sở xác định vấn đề tồn tại và định hướng cho nghiên cứu giải quyết.

1.4.4.3. Vấn đề tồn tại trong QL KG, KT, CQ các tuyến đề khu vực NĐLS hiện nay:(i) Các quy định pháp luật QLĐT ở NĐLS cũng như QL KG,KT,CQ đề còn tản mát ở VBQPPL khác nhau.:(ii) Giá trị di sản của đề không được nhận diện để phân loại, phân vùng; (iii) QL KG,KT,CQ các tuyến đề liên quan đến 05 đơn vị hành chính với 05 đầu mối QLDA cùng các ban QLDA Thành phố QL đầu tư PTĐT NĐLS; (iv) Hệ thống CSDL về PTĐT NĐLS chưa có.

1.5. Các công trình khoa học, các luận án tiến sỹ có liên quan: Các công trình nghiên cứu khoa học, các luận án trong và ngoài nước đối với các đề tài nghiên cứu về đề ở Hà Nội phần lớn tập trung khu vực đề và ngoài bãi S.Hồng, đảm bảo an toàn chống lũ chưa có đề tài nghiên cứu toàn diện, hệ thống về các tuyến đề trong khu vực NĐLS; cũng chưa có đề tài tập trung khai thác khía cạnh QL KG, KT,CQ các tuyến đề tại NĐLS.

1.6. Các vấn đề nghiên cứu và giải quyết:

- (i). Xác định vai trò của các tuyến đê trong việc tạo nên nét đặc trưng của cấu trúc đô thị khu NĐLS Hà Nội;
- (ii). Đề xuất các giải pháp QL.KG,KT,CQ các tuyến đê tại khu vực NĐLS Hà Nội. Đây là kết quả chính của luận án;
- (iii). Kiến nghị các giải pháp để góp phần hoàn thiện các cơ chế, chính sách và văn bản pháp quy trong công tác QL KG,KT,CQ các tuyến đê tại khu vực NĐLS;

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QL KG,KT,CQ CÁC TUYẾN ĐÊ TẠI NĐLS, HÀ NỘI

2.1. Cơ sở lý thuyết về QL KG,KT,CQ các tuyến đê tại NĐLS

2.1.1. KG,KT,CQ các tuyến đê tại NĐLS: Xác định các khái niệm liên quan:KG,KT,CQ tuyến đê NĐLS; Xác định vai trò định hướng kiểm soát tổ chức KG,KT,CQ trong QL KG,KT,CQ các tuyến đê.

2.1.2. Lý thuyết về tổ chức KG,KT,CQ các tuyến đê NĐLS: Xác định là quá trình XD chính sách PTĐT để hình thành KG,KT,CQ đê đảm bảo thống nhất với KG,KT,CQ NĐLS; phát huy giá trị của đê;

*. KG,KT,CQ các tuyến đê với lý thuyết hình thái học đô thị:Các yếu tố bất biến đổi và biến đổi hình thái đô thị; Mối quan hệ giữa yếu tố đê và sông trong cấu trúc đô thị; Vai trò của đê trong hình thái không gian đường phố;

*. KG,KT,CQ các tuyến đê với lý thuyết hình ảnh đô thị của Kevin Lynch: Đê trong NĐLS mang hình thái những nhân tố tạo nên nhận thức về một đô thị có cấu trúc đặc trưng và giàu ý nghĩa;

*. KG,KT,CQ các tuyến đê với lý thuyết đường biên mềm của Jan Gehl: Nêu lên mối quan hệ giác quan và quy mô công trình; Cơ chế cảm nhận phương ngang; Cảm nhận và tốc độ di chuyển; Tổ chức đường biên mềm;

*. Các giá trị di sản của đô thị trong KG,KT,CQ NDLS theo Hiến chương và Công ước quốc tế: Cho thấy các giá trị cần QL bảo vệ và Di sản là sự ghi nhận và thể hiện quá trình phát triển lịch sử lâu dài tạo nên bản chất của thực thể quốc gia, khu vực,.. là bộ phận hữu cơ của đời sống hiện đại.

*. KG,KT,CQ các tuyến đô thị trong cảm thụ đô thị theo lý thuyết phân tích yếu tố đô thị: Để có thể xác định khu vực, điểm chiêm ngưỡng được nhiều mảng phong cảnh đẹp như bức tranh đa dạng tiếp nối nhau với mặt đứng liên tục;

2.1.3. Quản lý nhà nước về KG,KT,CQ các tuyến đô thị tại NDLS: QL tổ chức KG,KT,CQ theo lý thuyết TKĐT: gồm 02 nội dung môi trường đô thị, hình thái không gian; QL KG,KT,CQ theo lý thuyết về chính sách đô thị và QLĐT: với 02 mục tiêu: Con người và PTBV.

2.2. Cơ sở pháp lý QL KG,KT,CQ các tuyến đô thị: Luận án đã nghiên cứu luật Đô thị, Xây dựng, Quy hoạch đô thị, Quy hoạch, Kiến trúc, Thủ đô và các quy định pháp luật liên quan cùng các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, tổng hợp các loại QH đang được triển khai thực hiện, làm cơ sở khi đề xuất giải pháp;

2.2.3. Các loại QH có liên quan theo luật Quy hoạch: QHC XD thủ đô Hà Nội (QHC 1259); Các đề án QHPK đô thị có liên quan; Các quy chế QL theo QHXD và QH ngành, lĩnh vực liên quan; Hệ thống mối quan hệ giữa QL KG,KT,CQ các tuyến đô thị với QL PTĐT.

2.2.4. Chủ trương, chính sách về XD CSDL trong QLĐT: là những định hướng để áp dụng khoa học công nghệ trong QL lập và triển khai thực hiện theo QH

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến QL KG,KT,CQ

2.3.1. Dân cư và phát triển kinh tế xã hội

2.3.2. Giá trị di sản của đô trong NĐLS: Giá trị về niên đại, về tính xác thực, của đô về sự điển hình;

2.3.3. Phát triển văn hoá xã hội của cộng đồng dân cư:

KG,KT,CQ các tuyến đô trong cảnh quan đô thị; Với hệ thống di sản văn hóa NĐLS;

2.3.4. Biến đổi khí hậu và hạ tầng kỹ thuật đô thị: Luận án đã nêu nguy cơ của lũ lụt dưới tác động của BĐKH và môi trường khí hậu NĐLS; Cao độ san nền, thoát nước mặt trong lập QHĐT;

2.3.5. Ứng dụng khoa học công nghệ trong QL lập, thực hiện QH và QL KG,KT,CQ: Đây là nội dung quan trọng để XD thành phố thông minh bên cạnh sự phối hợp giữa các cấp ngành liên quan;

2.4. Vai trò tham gia của cộng đồng: Sự tham gia của cộng đồng trong QL KG,KT,CQ rất quan trọng là đối tượng trực tiếp hưởng thụ KG,KT,CQ các tuyến đô và khai thác KG,KT,CQ này.

2.5. Bài học kinh nghiệm: Hình dáng của NĐLS do chính các tuyến đô tạo nên, do đó NĐLS không tuân theo cấu trúc đô thị truyền thống vì vậy việc lựa chọn thành phố có hình thái tương đồng rất ít, luận án giới thiệu bài học kinh nghiệm của các thành phố có đặc điểm ven sông, các chính sách bảo tồn di sản và ứng dụng GIS trong QLĐT.

***. Kinh nghiệm nước ngoài:** Giới thiệu các bài học kinh nghiệm về QL KG,KT,CQ ở các thành phố tại châu Á như: Bangkok, Thái Lan; Thượng Hải, Trung Quốc; Amsterdam, Hà Lan; Sử dụng GIS ở cộng đồng đô thị Lyon; Chính sách QL: tham khảo bộ Luật QHĐT, Pháp.

***. Kinh nghiệm trong nước:** Giới thiệu các bài học về QL KG,KT,CQ ở các thành phố Đà Nẵng, Hồ Chí Minh và QL tổ chức KG,KT,CQ tuyến phố quận Ba Đình, Hà Nội.

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP QL KG,KT,CQ CÁC TUYẾN ĐÔ TẠI NĐLS, HÀ NỘI

3.1. Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc QL KG,KT,CQ các tuyến đê trong khu vực NĐLS

* **Quan điểm:** Luận án đề xuất 06 quan điểm gồm: **i)** Thống nhất về vai trò, giá trị đặc biệt của tuyến đê; **ii)** QL và phát triển KG, KT, CQ khu vực NĐLS có sức lan tỏa; **iii)** QL KG,KT,CQ trên cơ sở định hướng kiểm soát tổ chức KG,KT,CQ, QHĐT, TKĐT và PTĐT NĐLS; **iv)** QL KG, KT, CQ các tuyến đê phù hợp với vùng KTCQ; **v)** Hoàn thiện thể chế QL phát triển KG, KT, CQ các tuyến đê NĐLS toàn diện, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu PTBV; **vi)** Phát huy, khai thác hiệu quả nguồn lực từ KG,KT,CQ tuyến đê và cộng đồng cho PTĐT.

* **Mục tiêu:** Luận án xác định 05 mục tiêu để quản lý: **i)** Mục tiêu xã hội; **ii)** Mục tiêu cân bằng môi trường sinh thái, khí hậu đô thị; **iii)** Mục tiêu phát triển kinh tế; **iv)** Mục tiêu bảo tồn và phát huy giá trị di sản của các tuyến đê; **v)** Mục tiêu phát triển bền vững.

* **Nguyên tắc:** Luận án đề xuất 04 nguyên tắc để quản lý: **i)** Phát triển KG,KT,CQ các tuyến đê bền vững, an toàn tuyệt đối trong phòng chống lũ cho Thủ đô; **ii)** Tổ chức KG,KT,CQ đê phải được định hướng kiểm soát trong quá trình lập đồ án QHĐT,TKĐT; **iii)** QL KG,KT,CQ đảm bảo tính thống nhất theo QHC 1259, gìn giữ hình ảnh, cấu trúc đặc trưng, giá trị di sản trong không gian đô thị của từng tuyến đê; **iv)** Nâng cao vai trò cộng đồng dân cư trong việc XD, giám sát và thực thi các dự án theo QHĐT.

3.2. Tiêu chí xác định giá trị tiêu biểu của đê và phân loại các kiểu dáng đê trong NĐLS

3.2.1. Tiêu chí xác định giá trị tiêu biểu của đê: 05 tiêu chí: **(i).** Giá trị gắn liền với cảnh quan NĐLS; **(ii).** Giá trị về kỹ thuật XD và sử dụng vật liệu XD hình thành nên hệ thống đê đất; **(iii).** Tiêu biểu cho

lịch sử phát triển đô thị NĐLS; (iv).Gắn với đặc điểm, tính chất tiêu biểu về văn hóa của NĐLS; (v).Niên đại XD, tuổi thọ công trình;


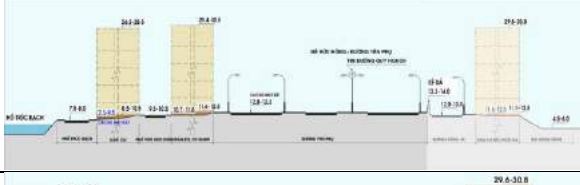
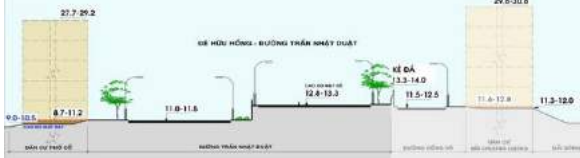
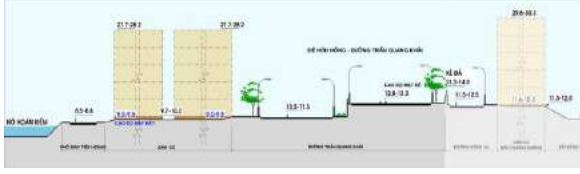
3.2.2. Phân loại các kiểu dáng đô

*. **Đối tượng phân loại kiểu dáng:** Tuyến đô loại 1, loại 2;

*. **Tiêu chí và phân loại kiểu dáng đô:** Đề xuất nhóm tiêu chí: hình thức, cao độ đô, vật liệu XD và phạm vi các thềm địa hình đặc trưng;

Phân loại kiểu dáng đô gồm:06 kiểu đô:

Bảng 3.1. Phân loại kiểu dáng đô trong NĐLS

Kiểu	Tên đường	Hình dáng
1	đô Hữu Hồng đường Âu Cơ, Nghi Tàm	
2	đường Yên Phụ	
3	Phố Trần Nhật Duật	
	Phố Trần Quang Khải	

<p>Phố Trần Khánh Dư, Nguyễn Khoái</p>		
<p>Phố Lạc Long Quân</p>		
<p>4</p>	<p>đường Đê la thành</p>	
<p>5</p>	<p>đường đê Bưởi</p>	
<p>6</p>	<p>đường Hoàng Hoa Thám</p>	

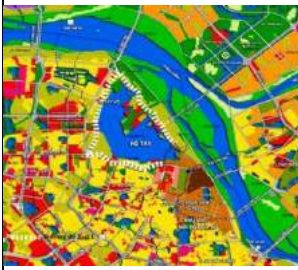
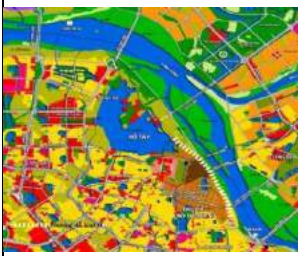
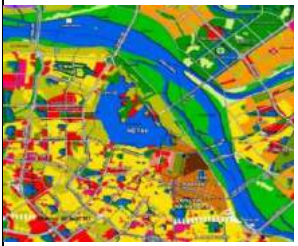
3.3. Phân vùng QL KG,KT,CQ các tuyến đê NDLS



3.3.1. Tiêu chí phân Vùng quản lý đê: phân vùng QL cho từng loại đê là cần thiết để xác định khu vực đặc trưng theo 03 tiêu chí sau: **(a)** Cấu trúc không gian NDLS; **(b)** Yếu tố hình thành cấu trúc hình thái KG,KT,CQ của từng thời kỳ PTĐT; **(c)** Loại đê và kiểu dáng của đê có phạm vi theo các thềm địa hình xác định bởi từng kiểu dáng đê.

Theo đó với 02 loại đô và 06 kiểu dáng đô; Đề xuất 05 Vùng QL đô để định hướng kiểm soát tổ chức KG,KT,CQ

3.3.2 Định hướng kiểm soát tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan Vùng quản lý đô

Bảng 3.2. Định hướng kiểm soát tổ chức KG,KT,CQ các tuyến đô

Vùng QL đô	Vị trí đô	Loại đô	Kiểu đô	Định hướng
I		1 và 2	1,3 và 6	-Khu bảo tồn sinh thái của NĐLS kết hợp với XD mới và cải tạo chỉnh trang kiến trúc và hệ thống HTKT đô thị
II		1	2 và 3	Tập trung các di tích của Thăng Long cổ và kiến trúc lịch sử, văn hóa có giá trị.
III		2 và 3	4	Không gian đặc trưng Các làng xóm; chung cư cũ, di tích, liền kề tuyến vành đai 1. Công viên Tuổi Trẻ, Thống Nhất,

IV		2	4	Cảnh quan Làng xóm; chung cư cũ, tuyến vành đai 1; mặt nước hồ điều hòa; di tích, các công trình văn hóa lớn, công viên không gian mở;
V		2	5	Không gian cảnh quan đặc trưng sông Tô Lịch, công viên Thủ Lệ, đường vành đai 2.

3.4. Giải pháp về QL tổ chức KG,KT,CQ cho các đề án QHĐT

3.4.1. Yêu cầu QL tổ chức KG,KT,CQ các tuyến đô: Luận án đề xuất yêu cầu QL KG,KT,CQ đô cho từng đối tượng: KG,KT và CQ theo 05 Vùng QL đô;

3.4.2. Khung kiểm soát tác động của KG,KT,CQ các tuyến đô trong các Vùng QL đô: KG,KT,CQ Vùng QL đô được kiểm soát dựa trên đánh giá tác động của 10 yếu tố ảnh hưởng đến KG,KT,CQ trong vùng QL đô đảm bảo thống nhất;

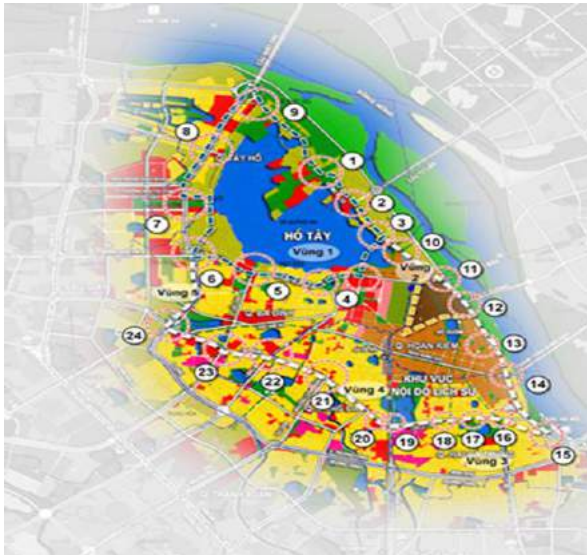
3.4.3. Nhóm giải pháp xây dựng khung tổ chức KG,KT,CQ các tuyến đô: Xác định cao độ mặt đất đặt công trình XD; Xác định chiều cao công trình kiến trúc; Tổ chức đường biên mềm (gồm 15 tiêu chí);

3.5. Giải pháp QL KG,KT,CQ khu vực đặc trưng

Bảng 3.6. Danh mục các khu vực KG,KT,CQ đặc trưng

Số Khu vực	Tên khu vực	Số khu vực	Tên khu vực
	Vùng đô I	14	Nút cầu Trần Hưng Đạo
1	Quảng An - Cổ Loa		Vùng đô III

2	Nút cầu Tứ Liên (dự kiến) & Khách sạn Thăng Lợi.	15	Nút Nguyễn Khoái - Trần Khát Chân.
3	Đường Thanh niên.	16	Ô Đổng Mác.
4	Bách Thảo - Ngọc Hà - Đền Quán Thánh.	17	Công viên Thanh Nhân
5	Trục Văn Cao-Hồ Tây.	18	Ô Cầu Dền.
6	Nút Bưởi-Lạc Long Quân-Hoàng Hoa Thám.	19	Công viên Thống Nhất -Ô Đồng Lâm.
7	Trục Tây Hồ Tây-Hồ Tây-Quảng An-Cổ Loa.		Vùng đô IV
8	Nguyễn Hoàng Tôn - Hồ Tây.	20	Phố Kim Hoa; Đình, Đền, Chùa Kim Liên.
9	Cầu Nhật Tân.	21	Nút giao Ô Chợ Dừa.
	Vùng đô II	22	Nút Láng Hạ-Đê La Thành.
10	Hồ Trúc Bạch.	23	Nút Cống Chênh - Nguyễn Chí Thanh.
11	Cầu Long Biên.		Vùng đô V
12	Nút cầu Chương Dương - Chợ Gạo - Ô Quan Chưởng.	24	Nút Ô Cầu Giấy - Bưởi - Đền Voi Phục - Công viên Thủ Lệ.
13	Vườn hoa Cổ Tân.		



Hình: 3.25. Khu vực KG,KT,CQ đặc trưng của các tuyến đô NĐLS

3.5.1. Đề xuất khu vực KG,KT,CQ đặc trưng các tuyến đô: Luận án đề xuất 24 khu vực đặc trưng của các tuyến đô làm cơ sở QL kiểm soát lập QHĐT, TKĐT, QCQL KT NĐLS trong đó đề xuất: Vùng đô I: 09 khu vực; Vùng đô II: 05 khu vực; Vùng đô III: 05 khu vực; Vùng đô IV: 04 khu vực; Vùng đô V: 01 khu vực; (bảng 3.7; hình:3.25)

3.5.2. Yêu cầu QL KG,KT,CQ Vùng QL đô: Các yêu cầu này làm cơ sở xác định các yêu cầu quản lý cho khu vực đặc trưng để cơ quan QL làm cơ sở kiểm soát QL đầu tư XD, cấp phép XD mới, cải tạo chỉnh trang đô thị và làm căn cứ xác lập nhiệm vụ quy hoạch, TKĐT đối với khu vực chưa có QH, TKĐT cho 06 đối tượng quản lý;

3.5.3. Nội dung định hướng kiểm soát không gian,kiến trúc,cảnh quan khu vực đặc trưng của các tuyến đô trong NĐLS: Luận án đề xuất nội dung yêu cầu QL KG,KT,CQ khu vực đặc trưng, xác định ranh giới vùng đệm, cùng tia, tuyến, điểm nhìn cho 24 khu vực đặc trưng tại 05 Vùng đô với 06 đối tượng quản lý: **a.** Di sản, di tích lịch sử văn hóa; **b.** Môi trường, cảnh quan thiên nhiên; **c.** Trục không gian mở; **d.** KGCC; **e.** Khu vực làng xóm đô thị; **f.** Kiến trúc đô thị

3.6. Giải pháp hoàn thiện cơ chế chính sách, VBQPPL: Hệ thống VBQPPL: Điều chỉnh, bổ sung nội dung liên quan giá trị của đô làm cơ sở tổ chức KG,KT,CQ các tuyến đô; Hệ thống đồ án QH, QCQL,QĐQL: Hoàn thiện hệ thống đồ án, quy định nội dung QL KG,KT,CQ NĐLS; Hoàn thiện chương trình PTĐT; XD bản đồ và hệ thống CSDL phục vụ QLĐT.

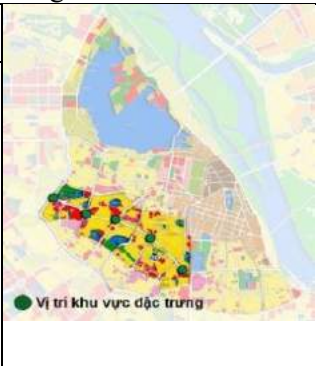
3.7. Giải pháp tổ chức bộ máy QLKV PTĐT NĐLS: Luận án đề xuất: Quan điểm tổ chức bộ máy quản lý; Vị trí, chức năng Ban QLKV PTĐT NĐLS; Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban QLKV PTĐT NĐLS gồm 08 nhiệm vụ cùng với bộ máy và chi phí hoạt động;

3.8. Giải pháp XD, khai thác hệ thống CSDL QL KG,KT,CQ và PTĐT NĐLS: Luận án đề xuất: Mục tiêu và nguyên tắc XD khung CSDL; Các loại CSDL liên quan; Nội dung XD khung CSDL: Dữ liệu bản đồ để XD CSDL quản lý KG,KT,CQ các tuyến đê NĐLS, Mô hình chông xếp các lớp bản đồ, Phân tầng quản lý hệ thống, Sự phối hợp với các Sở,Ngành liên quan;

3.9. Giải pháp phát huy vai trò tham gia của cộng đồng trong QL KG,KT,CQ các tuyến đê NĐLS: Luận án đề xuất: Yêu cầu về xây dựng quy định pháp luật, Quy trình thực hiện gồm 05 bước và quy định Tổng hợp, nghiên cứu và công khai;

3.10. Áp dụng khai thác CSDL bản đồ trong nghiên cứu biến đổi hình thái tuyến đê và định hướng kiểm soát tổ chức KG,KT,CQ trong trường hợp phố Kim Hoa:

Bảng 3.17. Nội dung định hướng QL tổ chức KG,KT,CQ phố Kim Hoa, Khu vực đặc trưng số 20

Vùng QL đê	Loại đê	Kiểu đê	Tính chất, chức năng	
IV	2	4	Đê cổ S.Kim Ngưu; lũy thành cổ; Khu vực cải tạo,hạn chế phát triển XD nhà ở cao tầng. Các chức năng chủ yếu: nhà ở, di sản, di tích Đình,chùa, đền Kim Liên (trần Nam Kinh thành), du lịch, dịch vụ thương mại.	
<p>* Vật liệu xây dựng: Loại đê cô đắp bằng đất. * Hình thức: Không có cơ đê, mái đê tạo thành thêm kiến trúc, cảnh quan kết hợp là cấp đường nội bộ chạy dọc kề cận là đường Xã Đàn (vành đai 1) ở cao độ nền tự nhiên thấp nhất. Có 02 thêm địa hình từ đê đến nền tự nhiên thấp nhất. * Phạm vi: bao gồm từ đê và dân cư hai bên đến vượt quá đường giao thông liền kề tối thiểu 50 mét ở khu vực có nền thấp nhất.</p>				

<p>* Cao độ đô trung bình: Cao độ đô : + 8.1; Cao độ khu dân cư: từ + 5.5 (phía Nam Kim Hoa giáp đường Xã Đàn và +7.5 (phía Bắc Kim Hoa). Cao độ từ đô đến nền tự nhiên thấp nhất khoảng từ 2 - 4 mét.</p> <p>* Đề xuất là khu vực cải tạo, chỉnh trang phạm vi 250 mét và tái thiết đô thị trong phạm vi 500 mét</p>	
ĐỐI tượng	NỘI dung định hướng kiểm soát
a	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn, tôn tạo các công trình di tích lịch sử, kiến trúc đô thị gắn với không gian phát triển các khu tập thể cũ (Kim Liên, Trung Tự, Thành Công, Ngọc Khánh...). Mở rộng không gian xanh xung quanh các di tích đặc trưng như: cụm Đình, Chùa, đền Kim Liên (thờ thần Cao Sơn Đại Vương trấn giữ phía Nam kinh thành) trong phạm vi 250 mét - Giữ gìn hình thái tuyến đô như là di sản cấu trúc thành lũy La thành, đền S.Kim Ngưu cổ phía Tây Nam kinh thành cổ.
b	<ul style="list-style-type: none"> - Cải thiện điều kiện cảnh quan kết hợp với không gian mặt nước khu vực làng xóm đô thị hóa theo hướng giảm mật độ dân số, bổ sung hệ thống HTKT đô thị kết hợp với cảnh quan cây xanh mặt nước lớn như hồ ba mẫu phía Bắc tuyến phố Kim Hoa .
c	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo lập các trục không gian mở kết nối với các trục đường chính như; cửa Ô Đồng Lầm: giao Vành đai 1 với đường Giải Phóng ,kết nối với không gian công viên Thống Nhất, - Khuyến khích khai thác quỹ đất kẹt giữa đường vành đai 1 và đô không đảm bảo quy mô XD công trình để tạo lập không gian mở, cải thiện hệ thống HTXH.
d	<ul style="list-style-type: none"> - Gắn kết với không gian các trường đại học như: Bách Khoa; Kết hợp các khu đất thành khu đất lớn hơn để hợp khối lấy hình thái đô làm cơ sở thiết kế và đảm bảo thống nhất tia thị giác từ đô, không XD cao tầng giữa quỹ đất kẹt giữa đô và đường vành đai 1.
e	<ul style="list-style-type: none"> - Phải tuân thủ theo QHPK H1-3, QC CT và các QHCT,TKĐT được phê duyệt.
f	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến trúc làng xóm đô thị mang dấu ấn làng xóm ngoại ô trước 1954, cùng không gian PTĐT qua các thời kỳ từ sau 1954 đến nay với mật độ XD thấp nhà ở cao ≤ 5 tầng. Tổ chức thi tuyển mẫu nhà ở để cấp phép XD. - Trong phạm vi 250 mét khu di tích chiều cao công trình kiến trúc không vượt quá tam quan, mái cụm đình,đền, chùa Kim Liên - Trong phạm vi 500 mét áp dụng xác định chiều cao theo đường xiên tia thị giác

- Các yếu tố khống chế: Xác định góc nhìn tối đa: $\Delta = 37^{\circ}$, $\Omega = 10^{\circ}$; Chiều cao tối đa: phố Kim Hoa: 12 mét; đường Xã Đàn: 20 mét ở cao độ tự nhiên thấp nhất và Khoảng lùi tối thiểu là 3 mét kể từ mép đường đê hiện trạng;

- Định hướng KG,KT,CQ tuyến phố: Tăng tiện ích, giảm mật độ XD, tăng không gian mở, giảm mật độ XD tạo không gian thông thoáng cho người đi bộ; bố trí tiện ích phân hệ đường Xã Đàn;

- Khai thác không gian chênh lệch cao độ đê tạo bãi đỗ xe máy cho cư dân và khách kết hợp với không gian thoáng giữa 2 khối nhà, tăng tiện ích cho cư dân;

- Khu vực tái thiết đô thị ngoài khu vực 250 mét khuyến khích áp dụng hình thức mẫu nhà điển hình để cấp phép XD với 03 nhóm và 15 tiêu chí đường biên mềm. Xây dựng kế hoạch tái thiết đô thị khu vực đặc trưng số 20 đê thực hiện QL KG,KT,CQ khu phố Kim Hoa với sự tham gia của cộng đồng theo quy trình đề xuất tại mục 3.7 của luận án.Xã Đàn;

Ghi chú: **a.** Di sản, di tích lịch sử văn hóa; **b.** Môi trường, cảnh quan thiên nhiên; **c.** Trục không gian mở; **d.** KGCC; **e.** Khu vực làng xóm đô thị; **f.** Kiến trúc đô thị.

3.11. Bàn luận: Luận án bàn luận về kết quả dựa trên nghiên cứu làm rõ hệ thống và cơ sở khoa học của công tác QL KG,KT,CQ NĐLS để đề xuất các giải pháp có tính khoa học, thực tiễn định hướng kiểm soát tổ chức KG,KT,CQ tuyến đê và 03 nội dung: **(a).** *Tính khả thi;* **(b).** *Ứng xử với các tuyến đê không còn chức năng phòng chống lũ;* **(c).** *Áp dụng mở rộng cho các tuyến đê có vị trí tương đồng;* **(d).** *Những nội dung còn hạn chế của nhóm giải pháp tổ chức bộ máy khi triển khai thực tế.* Với các nhóm kết quả đạt được như sau: Xác định giá trị tiêu biểu của đê, phân loại các kiểu dáng đê và Phân vùng QL KG,KT,CQ các tuyến đê; Hoàn thiện cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật và Giải pháp về QL tổ chức KG,KT,CQ các tuyến đê trong QHĐT; Giải pháp QL KG,KT,CQ các tuyến đê; Giải pháp phát huy vai trò tham gia của cộng đồng trong QL KG,KT,CQ các tuyến đê; Giải pháp tổ chức bộ máy QL khu vực PTĐT; Giải pháp XD và khai thác hệ thống CSDL QL KG,KT,CQ và PTĐT;

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận: Tại NQ 15-NQ/TW đã nêu: tập trung bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá, công trình kiến trúc có lợi thế sẵn có tạo ra không gian phát triển mới cho Thủ đô. Hiện KG,KT,CQ các tuyến đê chưa được quan tâm, các nghiên cứu về tổ chức KG,KT,CQ tuyến đê trong QHĐT chưa đầy đủ và còn thiếu đã tạo ra những thách thức lớn cho QLĐT và PTĐT NĐLS. Vì vậy, QL KG,KT,CQ đê là cấp thiết và cần được nghiên cứu. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng và các cơ sở khoa học, Luận án đã đề xuất: 06 quan điểm, 05 mục tiêu, 04 nguyên tắc quản lý cùng với tiêu chí xác định giá trị tiêu biểu của đê, phân loại các kiểu dáng đê và Phân vùng QL các tuyến đê; Hoàn thiện cơ chế chính sách, VBQPPL và QL tổ chức KG,KT,CQ; QL KG,KT,CQ các tuyến đê; Phát huy vai trò tham gia QL của cộng đồng; Bộ máy QL khu vực PTĐT; XD và khai thác hệ thống CSDL. Dựa vào các đề xuất, luận án đã nghiên cứu áp dụng vào định hướng kiểm soát tổ chức KG,KT,CQ trong trường hợp phố Kim Hoa.

2. Kiến nghị: Luận án kiến nghị lên cơ quan quản lý các cấp: *i) Chính phủ, các cơ quan Chính phủ:* Rà soát, hoàn thiện hệ thống VBQPPL về QL KG,KT,CQ các tuyến đê Vùng châu thổ S.Hồng; *ii) Chính quyền và Cơ quan quản lý của thành phố Hà Nội:* Bổ sung, giá trị cùng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về QH, kiến trúc của các tuyến đê trong luật Thủ đô sửa đổi. Thành lập Ban QLKV PTĐT NĐLS; *iii) Các bên liên quan:* Các chuyên gia, các hiệp hội nghề nghiệp bằng các hoạt động nghề nghiệp tác động mạnh mẽ đến chính sách cũng như phương pháp lập QH để lan tỏa giá trị di sản của đê trong vùng đồng bằng châu thổ. Cộng đồng dân cư nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần tự chủ đóng góp các ý tưởng, nguồn lực góp phần xây dựng hình ảnh của Hà Nội, một Thủ đô được sinh ra từ những dòng sông.

DANH MỤC CÁC BÀI BÁO KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

- 1) **Đào Duy Hưng (2016)**, Không gian đô thị của đề cở Hà Nội, trường hợp phố Kim Hoa - quận Đống Đa, Hà Nội, Tạp chí Quy hoạch đô thị số 23, năm 2016 (ISSN 1859-3658).
- 2) **Đào Duy Hưng (2021)**, Các tuyến đề là yếu tố tác động đến sự biến đổi không gian, kiến trúc, cảnh quan khu vực nội đô lịch sử Hà Nội, Tạp chí Quy hoạch đô thị số 42, năm 2021 (ISSN 1859-3658).
- 3) **Đào Duy Hưng (2021)**, Giá trị các tuyến đề trong bảo tồn di sản kiến trúc và đô thị khu vực nội đô lịch sử Hà Nội, Tạp chí Quy hoạch đô thị số 42, năm 2021 (ISSN 1859-3658).
- 4) **Đào Duy Hưng (2022)**, Nhận diện và phân loại các tuyến đề trong không gian, kiến trúc, cảnh quan (KG,KT,CQ) khu vực nội đô lịch sử (NĐLS) Hà Nội, Tạp chí Quy hoạch đô thị số 44, năm 2022 (ISSN 1859-3658).